

THÔNG BÁO

Lịch nộp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ không chuyên năm 2024 để phủ điểm và xác định Chuẩn đầu ra đối với sinh viên Đại học chính quy

Căn cứ Kế hoạch giảng dạy năm học 2023-2024, Nhà trường thông báo về việc nộp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ để xét chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên năm 2024 dành cho sinh viên các khóa trong toàn trường, cụ thể như sau:

1. Thời gian:

- Đợt 1: 21.02.2024 – 23.02.2024
Đợt 2: 20.05.2024 – 22.05.2024
Đợt 3: 19.08.2024 – 21.08.2024
Đợt 4: Dành cho sinh viên QH.2024
Đợt 5: 12.11.2024 – 14.11.2024

Để thuận lợi cho công tác hậu kiểm chứng chỉ, Nhà trường khuyến khích sinh viên sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ phổ biến. Trong trường hợp chứng chỉ không thể hậu kiểm, sinh viên không được xét miễn học và phủ điểm. Sinh viên tìm hiểu tại <https://bit.ly/HDhocNN2> để biết thêm chi tiết.

2. Quy trình:

A. Chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (IELTS, TOEIC, TOPIK, HSK, JLPT...): Bảng quy đổi mức điểm sang trình độ được đính kèm thông báo này.

- Sinh viên đọc kỹ hướng dẫn khai báo trong <https://bit.ly/NopNN2024>, điền các thông tin trong Google form chính xác. Đơn khai báo tải từ địa chỉ: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhqg/van-ban-bieu-mau-nn-trong-dhqg/>. Link chỉ mở khi đến hạn đăng kí.
- Sau khi nhận được hồ sơ, phòng Đào tạo tiến hành hậu kiểm, gửi email xác thực thông tin cho sinh viên. Sau 03 tuần kể từ ngày kết thúc nhận đơn, Phòng Đào tạo ra Quyết định miễn học và công nhận điểm cho sinh viên. Quyết định kèm danh sách các chứng chỉ được công nhận được gửi cho sinh viên và về các Khoa đào tạo để phối hợp thực hiện và lưu trữ. Sinh viên xem kết quả tại website: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhqg/ket-qua-hoc-tap-nn-trong-dhqg/>.

B. Chứng chỉ ngoại ngữ VSTEP, VNU Tests (do Trường ĐHNH, ĐHQGHN cấp):

- Sinh viên tải “Đơn xin phủ điểm NN2 - VSTEP” trên biểu mẫu, nộp cho VPK vào cuối mỗi học kì/ hoặc trước các đợt xét tốt nghiệp. Sinh viên dự thi VSTEP là đối tượng thí sinh tự do cần nộp cùng đơn bản photo chứng chỉ VSTEP được cấp.
- Giáo vụ khoa kiểm tra học phần đã tích lũy/ chưa tích lũy trên Portal, lập danh sách tổng hợp excel bản mềm và bản cứng có chữ kí BCN Khoa, chuyển cho Chuyên viên Trần Thị Thủy Linh - Phòng Đào tạo vào thời gian nộp chứng chỉ để tiến hành phủ điểm và cập nhật điểm ngoại ngữ 2 cho sinh viên.

Lưu ý: Đối với sinh viên khóa QH.2022 trở đi, sinh viên nộp chứng chỉ để được xét phủ điểm và công nhận chuẩn đầu ra trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập học. Sau thời gian 30 ngày, sinh viên nộp chứng chỉ chỉ được công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên.

Đề nghị các đơn vị đào tạo trong Trường thông báo đến sinh viên trong đơn vị mình được biết và thực hiện./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Khoa đào tạo (để phối hợp);
- Phòng TT-PC (để biết);
- Lưu: HCTH, ĐT, L20.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Quỳnh Hoa



Phụ lục 2. Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với yêu cầu chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ (*)

2.1. Tiếng Anh

KNLNNVN	IELTS	TOEFL	Aptis ESOL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	B1	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B2	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	7.0	95 iBT	C1	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	VSTEP.3-5 (8.5)

2.2. Một số thứ tiếng khác

2.2.1. Tiếng Nga

Khung NLNNVN	TPKH
Bậc 3	TPKH-1
Bậc 4	TPKH-2
Bậc 5	TPKH-3

2.2.2. Tiếng Pháp

Khung NLNNVN	DELFDALF	TCF
Bậc 3	DELFB1	TCFB1
Bậc 4	DELFB2	TCFB2
Bậc 5	DALFC1	TCFC1

2.2.3. Tiếng Trung
(Yêu cầu đạt HSK và HSK K)

Khung NLNNVN	HSK
Bậc 3	HSK Bậc 3
Bậc 4	HSK Bậc 4
Bậc 5	HSK Bậc 5 và HSK K cao cấp

2.2.4. Tiếng Đức

Khung NLNNVN	Goethe-Zertifikat	TELC Deutsch	DSD	ÖSD -Zertifikat	TestDaF	ECL
Bậc 3	B1	B1	I	B1	TDN3	B1
Bậc 4	B2	B2	II (Viết/ nói: 8-11 điểm; Nghe/ đọc: 8-13 điểm)	B2	TDN4	B2
Bậc 5	C1	C1	II (Viết/ nói: 12-24 điểm; Nghe/ đọc: 14-24 điểm)	C1	TDN5	C1

2.2.5. Tiếng Nhật

Khung NLNNVN	JLPT	NAT-TEST	J-TEST
Bậc 3	N3	3Q	500
Bậc 4	N2	2Q	600
Bậc 5	N1	1Q	700

2.2.6. Tiếng Hàn

Khung NLNNVN	TOPIK
Bậc 3	II (bậc 3)
Bậc 4	II (bậc 4)
Bậc 5	II (bậc 5)

(*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng Nghe - Đọc - Viết được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT, NAT-TEST, J-TEST (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp);

- Đối với một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không thông dụng khác, các đơn vị gửi chứng chỉ đến Trường ĐHNN để xác định việc quy đổi tương đương; ĐHQGHN không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./



ĐƠN XIN XÁC NHẬN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ - Dành cho CC Quốc tế

Nhập các thông tin theo link sau: <https://bit.ly/NopNN22024> – Nộp cho P. Đào tạo

(Link mở trong thời gian thông báo về lịch nộp các Chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế hàng năm của P. Đào tạo)

Họ và tên :

Ngày tháng năm sinh:

Mã số SV:

Là sv khóa QH 20

CTĐT (Chuẩn/CLC VNU/CLC TT23):

Khoa:

Trường :

SĐT :

E-mail:

Chứng chỉ NN (IELTS, JLPT...):

Ngày thi:

Số hiệu chứng chỉ:

Đạt trình độ bậc: (theo bảng quy đổi)

Điểm đạt được:

Số CMND/CCCD:

Sinh viên xem Portal để điền chính xác các thông tin sau:

Các học phần NN2 đã tích lũy: (Ghi rõ CHƯA nếu chưa tích lũy)

HP	Điểm	Thời gian tích lũy	HP	Điểm	Thời gian tích lũy
		Học kì năm học			Học kì năm học

		Học kì năm học			Học kì năm học
--	--	----------------------	--	--	----------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 20 SV kí tên:

Em tên là:

Đã nộp CC ngoại ngữ (IELTS, JLPT...):

Vào ngày:

Xác nhận của P. Đào tạo

Sinh viên trước QH.2019 CTĐT Chuẩn cần học các học phần CS1, CS2, CS3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)

Sinh viên CLC VNU cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 4 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)

Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học T. Anh cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 5 T. Anh

Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học tiếng khác T. Anh cần học CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 4.

Sinh viên QH.2019 chuẩn cần học học phần B1 và đạt CĐR bậc 3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)

Sinh viên QH.2019 CLC TT23 học T. Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CĐR bậc 5.

Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học các tiếng khác T.Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CĐR bậc 4.

Sinh viên từ QH.2022 học các tiếng khác T.Anh cần học B1 hoặc B2 và đạt CĐR bậc 3 hoặc bậc 4.



ĐƠN XIN PHỦ ĐIỂM NGOẠI NGỮ 2 – Dành cho Chứng chỉ VSTEP/VNU Tests/ ĐGNLNN khác tiếng Anh

(Sinh viên đọc kỹ lộ trình học bên dưới để điền đơn chính xác) – Nộp cho VPK

LƯU
Văn phòng Khoa

HỌ VÀ TÊN: _____ Ngày sinh: _____

QH.20.....

MSSV: _____

Số CMND/ CCCD _____ Số vào sổ _____

Số vào sổ (đối với thí sinh đi thi là thí sinh tự do): _____

Lớp: _____ Số điện thoại: _____ E-mail: _____

CTĐT: Chuẩn CLC VNU CLCTT23 KHOA: _____

Đã đạt trình độ ngoại ngữ: Bậc 3: Bậc 4: Bậc 5:

Tại Kỳ thi ĐGNL ngoại ngữ: ngày tháng năm 20

Các học phần NN2 đã tích lũy trên Portal ở thời điểm nộp đơn (X): (Ghi rõ Chưa nếu chưa tích lũy HP nào) _____

Học phần	CS1	CS2	CS3	CS4	B1	CLC1	CLC2
Thời gian đạt	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...
Điểm học phần							

Các học phần ngoại ngữ 2 sẽ được phủ điểm (X):

CS1	CS2	CS3	CS4	B1	CLC1	CLC2	CĐR

Đã nhận đơn của sinh viên: _____

MSSV _____ Vào ngày: _____

Giáo vụ các khoa đào tạo:

Căn cứ điểm các kì thi ĐGNL được chuyển về để xác nhận trình độ NN cho sinh viên do Khoa mình quản lý.

Căn cứ vào dữ liệu điểm sinh viên trên phần mềm quản lý đào tạo để xác nhận các học phần ngoại ngữ 2 sinh viên đã tích lũy.

*Sinh viên trước QH.2019 CTĐT Chuẩn cần học các học phần CS1, CS2, CS3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên CLC VNU cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 4 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học T. Anh cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 5 T. Anh
Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học tiếng khác T. Anh cần học CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 4.
Sinh viên QH.2019 chuẩn cần học học phần B1 và đạt CĐR bậc 3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học T. Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CĐR bậc 5.
Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học các tiếng khác T.Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CĐR bậc 4.
Sinh viên từ QH.2022 học các tiếng khác T.Anh cần học B1 hoặc B2 và đạt CĐR bậc 3 hoặc bậc 4.*

Giáo vụ Khoa
(Kí và ghi rõ họ tên)